SỐ LƯỢNG VÀ SẢN PHẨM CHĂN NUÔI 6 THÁNG NĂM 2018

Tên chỉ tiêu		Đơn vị tính	Toàn tỉnh	TP. Việt Trì	TX. Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	Huyện Hạ Hoà	Huyện Thanh Ba	Huyện Phù Ninh	Huyện Yên Lập	Huyện Cẩm Khê	Huyện Tam Nông	Huyện Lâm Thao	Huyện Thanh Sơn	Huyện Thanh Thuỷ	Huyện Tân Sơn
A		B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I. Số lượng chăn nuôi 1/4/2018																
- Trâu		Con	**64570**	279	1001	5735	4817	4679	3521	9015	5360	1591	474	12777	1450	13871
- Bò		"	**118588**	5370	3684	4899	4972	11611	9690	8004	15239	11245	5142	16915	11250	10567
- Lợn		"	**740118**	15770	50237	88386	63382	75125	86942	62851	77319	36690	40490	73483	42307	27136
- Gà		1000c	**11680,652**	301,9	427,0	1191,0	873,6	1671,4	1192,8	742,9	1330,7	1090,6	375,8	1366,0	612,9	504,1
- Vịt		"	**1202,73**	11,2	21,7	154,6	55,9	66,2	44,8	86,0	142,0	63,3	137,4	102,2	259,3	58,1
II. Tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 6 tháng năm 2018		Tấn	**87399,581**	1936,3	5082,3	11257,8	4672,1	8280,4	9829,5	7714,6	11519,8	4951,4	5352,9	6789,1	6186,8	3826,7
1. Sản lượng gia súc xuất chuồng 6 tháng năm 2018		"	**71629,637**	1527,4	4693,9	8699,4	4037,0	6009,1	8588,4	6604,3	8716,6	3826,1	4821,4	5855,2	4979,6	3271,2
Trong đó	SL thịt trâu, bò xuất chuồng 6 tháng năm 2018	"	**5743,499**	139,2	131,4	264,3	313,8	553,8	431,0	379,0	918,7	419,0	209,3	741,4	448,0	794,7
	SL thịt lợn xuất chuồng 6 tháng năm 2018	"	**65131,218**	1366,0	4549,2	8342,2	3652,0	5375,7	8141,0	6118,0	7726,7	3379,0	4562,8	5043,5	4455,0	2420,2
2. Sản lượng gia cầm xuất chuồng 6 tháng năm 2018		"	**15742,862**	408,9	388,4	2558,4	632,0	2270,7	1239,6	1110,2	2803,2	1125,3	511,0	933,5	1207,1	554,5